

NỘI DUNG HỌC TẬP NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC: 2021 – 2022

TUẦN 2

Tiết 5. Tiếng Việt. GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

I. Sự trong sáng của tiếng Việt:

- o “*Trong*”: có nghĩa là trong trẻo, không có chất tạp, không đục.
- o “*Sáng*”: là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong, nhờ đó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả trung thành và sáng tỏ những điều chúng ta muốn nói
- o Câu đầu: không trong sáng vì cấu tạo câu không đúng quy tắc (chuẩn mực) ngữ pháp tiếng Việt.
 - o Hai câu sau: đạt được sự trong sáng vì cấu tạo câu theo chuẩn mực ngữ pháp của tiếng Việt.
- Thể hiện ở chuẩn mực và việc tuân thủ đúng chuẩn mực của tiếng Việt
- o Phát âm theo chuẩn của một phương ngữ nhất định, chú ý cách phát âm ở phụ âm đầu, phụ âm cuối, thanh điệu.
- o Tuân theo quy tắc chính tả, viết đúng phụ âm đầu, cuối, thanh điệu các từ khó.
 - o Khi nói viết phải dùng từ đúng nghĩa và đầy đủ các thành phần câu.
- Trong câu thơ của Nguyễn Duy, các từ “*lưng, áo, con*” được dùng theo nghĩa mới nhưng vẫn theo quy tắc ẩn dụ.
- Trong câu văn của Bác, từ “*tắm*” được dùng theo nghĩa mới và đặc điểm ngữ pháp mới. Nhưng đó vẫn là sự chuyển nghĩa nghĩa và đặc điểm ngữ pháp theo quy tắc của tiếng Việt.
- Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt.
- Câu văn có những từ ngữ nước ngoài được sử dụng không cần thiết vì tiếng Việt vẫn có những từ ngữ thay thế tương xứng.
- Tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, sử dụng tùy tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác.
- Tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói thể hiện ở cách xưng hô, thưa gửi, cách sử dụng từ ngữ:
 - o Cách xưng hô:
Ông giáo: *Cụ với tôi, ông với con*
- thể hiện sự kính trọng, thân thiết gần gũi.

Lão Hạc: Ông giáo, chúng mình, tôi với ông

→ thể hiện sự tôn trọng của Lão Hạc đối với ông giáo

o Cách thưa gửi của Lão Hạc với ông giáo: “Vâng! Ông giáo dạy phải”

→ Sự trân trọng, tin tưởng và có phần ngưỡng mộ của lão Hạc với ông giáo

o Các từ ngữ: trong sáng, rõ ràng, nhã nhặn, lịch sự

- Lời nói thô tục, bất lịch sự sẽ làm mất đi vẻ trong sáng của tiếng Việt, phải có tính lịch sự, văn hoá.

II. Luyện tập:

1. Bài tập 1.

Các từ ngữ Nguyễn Du và Hoài Thanh nói về các nhân vật rất chuẩn xác vì miêu tả đúng diện mạo hoặc lột tả được tính cách nhân vật.

- Kim Trọng: *rất mực chung tình*

- Thuý Vân: *cô em gái ngoan*

- Hoạn Thư: *người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt*

- Thúc Sinh: *sợ vợ*

- Từ Hải: *chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ*

- Tú Bà: *màu da “nhờn nhợt”*

- Mã Giám Sinh: *“mày râu nhẵn nhụi”*

- Sở Khanh: *chải chuốt dịu dàng*

- Bạc Bà, Bạc Hạnh: *miệng thề “xoén xoét”*

2. Bài tập 2:

Cần đặt một số dấu câu:

- Dấu chấm giữa hai từ *dòng sông*.

- Dấu chấm trước cụm từ *dòng ngôn ngữ*.

- Dấu hai chấm sau từ *cũng vậy*

- Dấu phẩy trước từ *nhưng* và sau từ *gạt bỏ*.

“ Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận – dọc đường đi của mình – những dòng nước khác . Dòng ngôn ngữ cũng vậy: một mặt nó phải giữ bản sắc có hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì thời đại đem lại .”

(Chế Lan Viên)

2. Cơ sở thực tế của bản Tuyên ngôn Độc lập:

a. Tổ cáo tội ác của thực dân Pháp:

- Câu mở đầu đoạn 2:

“Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta.”

→ Câu chuyển tiếp, tương phản với các lí lẽ của đoạn 1: thực dân Pháp đã phản bội lại tuyên ngôn thiêng liêng của tổ tiên chúng, phản bội lại tinh thần nhân đạo của nhân loại.

- **Pháp kẻ công “khai hóa”, Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:**

+ **Về chính trị:** không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào, thi hành luật pháp dã man, chia rẽ dân tộc, *tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*

+ **Về kinh tế:** Cướp không ruộng đất, hầm mỏ; độc quyền in giấy bạc, xuất cảng, nhập cảng; đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí

+ **Văn hóa – xã hội – giáo dục:** lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn, thuốc phiện

→ Biện pháp liệt kê + điệp từ *chúng* + lặp cú pháp + ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn đanh thép → nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.

- **Pháp kẻ công “bảo hộ”, bản tuyên ngôn lên án chúng:**

+ *“Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật.”*

+ *“Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng.”*

+ Vậy là trong 5 năm, chúng bán nước ta hai lần cho Nhật.

+ Hậu quả: làm cho *“hơn hai triệu đồng bào của ta bị chết đói”*

+ Ngược lại, Việt Minh đã cứu giúp nhiều người Pháp, bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

- **Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:**

+ Chính Pháp là kẻ phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đông Dương cho Nhật.

+ Không hợp tác với Việt Minh chống Nhật mà trước khi thua chạy, Pháp còn *“nhấn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.”*

+ *“Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa.”*

+ Nêu rõ thắng lợi của cách mạng Việt Nam:

o *“Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.”*

o *“Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.”*

→ Bác bỏ luận điệu xảo trá, lên án tội ác dã man của Pháp, khẳng định vai trò của CM vô sản Việt Nam và lập trường chính nghĩa của dân tộc.

b. Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc:

- Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định:

+ Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị

+ Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay

+ Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ

→ Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử.

- Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để tuyên bố: *“thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.”*

→ Không chịu sự lệ thuộc và xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp về nước Việt Nam

- Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng tại hai Hội nghị Tê - hê - răng và Cru Kim Sơn để buộc các nước Đồng minh: *“quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.”*

- Khẳng định về quyền độc lập tự do của dân tộc:

“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”

→ Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lí và công ước quốc tế.

=> Kiểu câu khẳng định, điệp từ ngữ, song hành cú pháp... tạo nên âm hưởng hào hùng, đánh thép, trang trọng của đoạn khúc anh hùng ca.

3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc:

- Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập.”*

→ Những từ ngữ trang trọng: *“trịnh trọng tuyên bố”, “có quyền hưởng”, sự thật đã thành”* vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời khẳng định một chân lí.

- Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: *“Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”*

→ Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.

4. Nghệ thuật:

Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Bác:

- **Lập luận:** chặt chẽ, thống nhất từ đầu đến cuối (dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc)

- **Lí lẽ:** xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc.

- **Dẫn chứng:** xác thực, lấy ra từ sự thật lịch sử

- **Ngôn ngữ:** đanh thép, hùng hồn, chan chứa tình cảm, cách xưng hô bộc lộ tình cảm gần gũi.

III. Tổng kết:

Ghi nhớ (SGK)

- Là một văn kiện chính trị lớn, tổng kết cả một thời kì lịch sử.

- Là áng văn chính luận mẫu mực với lập luận chặt chẽ, kế thừa các chân lí lớn của thế giới.

- Nâng cao lòng tự hào về truyền thống và lịch sử văn học.